

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

(Kèm theo Giấy rút dự toán số 164 + UNC 120 ngày 8 tháng 11 năm 2021)

Tài khoản dự toán ☒ Tài khoản tiền gửi: ☐

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: **TRƯỜNG MẦM NON 2**

2. Mã đơn vị: **1011464**

3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: **002 395 950 003** Ngân Hàng Đông Á - Chi nhánh Tân Bình

I. Nội dung đề nghị thanh toán:

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:							Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Tiền lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền NQ03/2018 Quý 3-2021	Tiền khoán	Tiền học bổng	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
Tổng số				189.145.876	-	-	-	-	189.145.876			
I	Đối với công chức, viên chức:			180.145.876	-	-	-	-	180.145.876	-	-	
1	Châu Hiệp Phố	0102575842	NH Đông Á	26.055.630					26.055.630			
2	Phạm Thị Mai Trang	0107733105	NH Đông Á	13.816.364					13.816.364			
3	Lâm Đặng Phương Thảo	0102588430	NH Đông Á	17.609.091					17.609.091			
4	Võ Thị Ánh Đào	0102575802	NH Đông Á	9.133.023					9.133.023			
5	Khổng Thị Thùy Linh	0101027430	NH Đông Á	12.000.189					12.000.189			
6	Nguyễn Thị Vân Trang	0102575828	NH Đông Á	8.571.564					8.571.564			
7	Nguyễn Thị Phương	0102575885	NH Đông Á	9.122.051					9.122.051			
8	Vũ Thị Xuân Thanh	0103111273	NH Đông Á	7.368.727					7.368.727			
9	Phạm Thị Thanh Vân	0104813398	NH Đông Á	4.047.924					4.047.924			
10	Trang Thị Kim Kiều	0109908946	NH Đông Á	4.961.971					4.961.971			
11	Hoàng Thu Huyền	0104177714	NH Đông Á	4.925.127					4.925.127			
12	Nguyễn Thị Bích Liễu	0110931259	NH Đông Á	3.332.182					3.332.182			
13	Nguyễn Thị Thu Hồng	0108701315	NH Đông Á	8.330.455					8.330.455			
14	Hoàng Thị Sơn	0109880937	NH Đông Á	4.408.233					4.408.233			
15	Trần Thị Thanh Thúy	0110200292	NH Đông Á	7.997.236					7.997.236			
16	Nguyễn Thị Thanh Hà	0110478654	NH Đông Á	3.013.593					3.013.593			
17	Nguyễn Thị Diệp	0110650056	NH Đông Á	8.650.127					8.650.127			
18	Vòng A Ngọc Linh	0110601304	NH Đông Á	3.683.280					3.683.280			
19	Nguyễn Ngọc Huyền Trang	0110893503	NH Đông Á	4.129.738					4.129.738			
20	Nguyễn Ngọc Bảo Khuê	0111080052	NH Đông Á	8.092.055					8.092.055			

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:				Tiền học bổng	Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Tiền lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền NQ03/2018 Quý 3-2021	
21	Phạm Thị Minh Thảo	0105285315	NH Đông Á	8.231.573					8.231.573	
22	Đặng Thị Thu Thảo	0104482402	NH Đông Á	2.665.745					2.665.745	
II	Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP)			9.000.000					9.000.000	
1	Trương Thọ Long	0107629015	NH Đông Á	4.500.000					4.500.000	
2	Phạm Vũ Kim Hồng Yến	0109205262	NH Đông Á	4.500.000					4.500.000	

Tổng số tiền bằng chữ: Một trăm tám mươi chín triệu một trăm bốn mươi lăm ngàn tám trăm bảy mươi sáu đồng ./.

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước:

- Thay đổi giảm 94.171.592 đồng so với quý 2/2021 vì thay đổi hệ số hưởng từ : 1.2 giảm xuống :1.0

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Hoàng

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Hoàng

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 08 tháng 11 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Châu Hiệp Phổ

Ngày..... tháng..... năm.....

Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng

Chuyên viên kiểm soát chi/Giao dịch viên